

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-35

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch
Bà Phạm Diễm Hoa	Phó Chủ tịch thường trực
Bà Phạm Thị Lợi	Ủy viên
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên
Ông Phạm Đức Long	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Thơm	Ủy viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom (SAM) với tỷ lệ là 41,08% trên vốn chủ sở hữu của Công ty, vượt quá tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại khoản 4e, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Công ty cam kết có lộ trình thoái bớt cổ phiếu SAM để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Cát Thị Hà**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0725-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015

---

**Nguyễn Thị Minh Hạnh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0904-2013-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>441.215.547.532</b>	<b>345.486.917.289</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>55.481.122.933</b>	<b>50.019.910.999</b>
111	1. Tiền		16.181.122.933	19.019.910.999
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.300.000.000	31.000.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>367.721.048.798</b>	<b>259.954.099.982</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		374.003.432.965	260.933.584.892
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(6.282.384.167)	(979.484.910)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>5.302.289.271</b>	<b>21.719.756.438</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		50.000.000	277.159.625
132	2. Trả trước cho người bán		75.879.850	5.592.779.065
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		4.943.150.417	15.621.786.965
138	5. Các khoản phải thu khác		268.259.004	253.030.783
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(35.000.000)	(25.000.000)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.711.086.530</b>	<b>13.793.149.870</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	5.189.392	29.030.931
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		640.265.378	1.087.487.179
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	11.830.431.760	11.830.431.760
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	235.200.000	846.200.000
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>93.241.457.240</b>	<b>171.669.895.874</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.334.513.080</b>	<b>2.010.912.261</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.266.318.636	1.956.114.503
222	- Nguyên giá		11.052.175.078	9.985.323.078
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.785.856.442)	(8.029.208.575)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	68.194.444	54.797.758
228	- Nguyên giá		2.350.299.300	2.265.299.300
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.282.104.856)	(2.210.501.542)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>74.121.639.695</b>	<b>101.411.156.257</b>
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		59.201.324.257	64.983.658.494
258	4. Đầu tư dài hạn khác		14.950.000.000	39.950.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(29.684.562)	(3.522.502.237)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.785.304.465</b>	<b>68.247.827.356</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	14.017.880.348	15.616.536.729
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	2.507.445.492	2.371.312.002
268	4. Tài sản dài hạn khác		259.978.625	50.259.978.625
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>534.457.004.772</b>	<b>517.156.813.163</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>14.415.562.399</b>	<b>6.220.582.245</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>14.325.562.399</b>	<b>6.220.582.245</b>
312	2. Phải trả người bán		166.848.329	543.879.565
313	3. Người mua trả tiền trước		505.000.000	51.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	327.522.758	379.894.358
315	5. Phải trả người lao động		57.699.097	373.323.218
316	6. Chi phí phải trả	16	114.224.408	379.563.629
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	8.045.869.510	3.882.390.747
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	386.674.063	126.399.194
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		62.700	-
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		4.237.530.000	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		484.131.534	484.131.534
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>90.000.000</b>	<b>-</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		90.000.000	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>520.041.442.373</b>	<b>510.936.230.918</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>520.041.442.373</b>	<b>510.936.230.918</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	8.353.605.115
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.687.837.258	(417.374.197)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>534.457.004.772</b>	<b>517.156.813.163</b>





**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
005	5. Ngoại tệ các loại			
	- EUR		90,74	99,42
	- USD		25.847,25	25.903,14
006	6. Chứng khoán lưu ký		1.171.822.500.000	473.534.280.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		954.658.820.000	464.014.280.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		197.813.640.000	14.148.430.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		752.095.260.000	445.078.180.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		4.749.920.000	4.787.670.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		130.281.600.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		130.281.600.000	-
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		75.729.880.000	-
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		75.729.880.000	-
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		11.152.200.000	9.520.000.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		11.152.200.000	9.520.000.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		12.174.150.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		12.172.150.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		100.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		12.132.050.000	-
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		40.000.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		2.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		2.000.000	-

Lại Hà Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng



Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

1111  
TỔNG  
NHIỆM  
KIỂM  
AAS  
KIỂM

3.P:  
C  
CHỦ  
PH  
NG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	20	<b>61.664.524.547</b>	<b>20.764.871.592</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		10.505.097.874	3.722.680.617
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		30.741.775.789	2.218.886.140
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		4.436.050.638	1.220.454.545
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		1.960.500	3.231.000
01.9	Doanh thu khác		15.979.639.746	13.599.619.290
02	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	20	-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>61.664.524.547</b>	<b>20.764.871.592</b>
11	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	21	<b>43.632.460.822</b>	<b>11.626.952.668</b>
20	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>18.032.063.725</b>	<b>9.137.918.924</b>
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.271.932.487	8.360.066.658
30	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>8.760.131.238</b>	<b>777.852.266</b>
31	8. Thu nhập khác		390.000.000	312.800
32	9. Chi phí khác		44.919.783	42
40	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>345.080.217</b>	<b>312.758</b>
50	<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>9.105.211.455</b>	<b>778.165.024</b>
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>9.105.211.455</b>	<b>778.165.024</b>
70	<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	24	<b>181</b>	<b>15</b>

Lại Hà Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng
  
Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		8.227.319.968	3.445.084.707
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(7.180.477.772)	(1.688.725.431)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		3.164.508.127.776	689.148.836.940
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(3.346.620.712.314)	(733.662.451.198)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(3.124.358.686)	(3.700.795.710)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(5.572.029.010)	(3.519.255.350)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		(14.500.000)	(194.274.444)
14	12. Tiền thu khác		71.746.402.306	3.078.830.939
15	13. Tiền chi khác		(44.960.228.755)	(4.731.392.801)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(162.990.456.487)</i>	<i>(51.824.142.348)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.090.000.000)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(480.621.520.000)	(708.271.598.187)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		622.370.353.451	693.641.657.237
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(39.220.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.623.000.000	75.592.385.487
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.150.932.054	15.585.632.386
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>168.432.765.505</i>	<i>37.328.076.923</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		7.500.000.000	37.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(7.500.000.000)	(38.800.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.807.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>-</i>	<i>(5.607.000.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>5.442.309.018</i>	<i>(20.103.065.425)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		50.019.910.999	70.117.099.557
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		18.902.916	5.876.867
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>55.481.122.933</u>	<u>50.019.910.999</u>

Lại Hà Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng

Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(417.374.197)	9.105.211.455	-	8.687.837.258
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>510.936.230.918</b>	<b>9.105.211.455</b>	<b>-</b>	<b>520.041.442.373</b>

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	-	-	503.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.353.605.115	-	-	8.353.605.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.195.539.221)	778.165.024	-	(417.374.197)
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>19</b>	<b>510.158.065.894</b>	<b>778.165.024</b>	<b>-</b>	<b>510.936.230.918</b>


Lại Hà Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởngPhạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/ UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

05  
G.T  
HỆM  
KẾ  
A.P  
N.K

05  
C.  
TY  
N  
IOÁI  
LL  
05  
0

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư 228/2009/ TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải , truyền dẫn	06	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

**2.7 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 03 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng, trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng; đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm.

**2.15 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**2.16 . Các khoản thuế***Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**2.17 . Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>
		VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>58.292.711</b>	<b>887.975.708.600</b>
- Cổ phiếu	58.292.711	887.975.708.600
<b>Của người đầu tư</b>	<b>576.642.130</b>	<b>6.791.429.025.800</b>
- Cổ phiếu	576.642.130	6.791.429.025.800
	<u><b>634.934.841</b></u>	<u><b>7.679.404.734.400</b></u>

**4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>16.181.122.933</b>	<b>19.019.910.999</b>
Tiền mặt tại quỹ	138.537.357	402.279.745
Tiền gửi ngân hàng	9.138.482.162	15.948.045.643
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	6.904.103.414	2.669.585.611
<b>Các khoản tương đương tiền (*)</b>	<b>39.300.000.000</b>	<b>31.000.000.000</b>
	<u><b>55.481.122.933</b></u>	<u><b>50.019.910.999</b></u>

(\*): Tại ngày 31/12/2014, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Bắc Á với lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại	19.875.535	1.414.876	255.301.912.965	25.483.231.441	5.129.335.702	583.030.869	(6.282.384.167)	(979.484.910)	254.148.864.500	25.086.777.400
Chứng khoán niêm yết	19.875.492	1.414.733	255.301.252.965	25.480.724.441	5.129.335.702	583.030.869	(6.282.367.167)	(977.784.310)	254.148.221.500	25.085.971.000
- ACB	-	30	-	867.485	-	-	-	(399.485)	-	468.000
- AGF	-	10	-	259.800	-	-	-	(60.800)	-	199.000
- APC	36.560	-	671.080.000	-	-	-	(27.624.000)	-	643.456.000	-
- ASM	590.000	-	5.842.185.000	-	-	-	(768.185.000)	-	5.074.000.000	-
- BCC	-	40	-	536.000	-	-	-	(308.000)	-	228.000
- BGM	235.000	-	1.280.000.000	-	-	-	(222.500.000)	-	1.057.500.000	-
- BVH	20.000	-	801.000.000	-	-	-	(161.000.000)	-	640.000.000	-
- CSM	-	120.000	-	4.524.000.000	-	-	-	(204.000.000)	-	4.320.000.000
- CTN	-	33	-	858.000	-	-	-	(656.700)	-	201.300
- CTS	-	21	-	405.300	-	-	-	(258.300)	-	147.000
- DAE	-	61	-	829.600	-	207.400	-	-	-	1.037.000
- DCS	-	12	-	238.800	-	-	-	(192.000)	-	46.800
- DIC	6.641	6.641	66.805.890	66.805.890	-	-	(8.365.090)	(19.654.790)	58.440.800	47.151.100
- DPM	20.000	-	618.000.000	-	-	-	(2.000.000)	-	616.000.000	-
- FIT	100.000	-	2.652.640.000	-	-	-	(342.640.000)	-	2.310.000.000	-
- GTN	50.000	-	720.000.000	-	-	-	(80.000.000)	-	640.000.000	-
- HAI	188.256	18	4.341.734.136	580.500	-	-	(1.536.719.736)	(175.500)	2.805.014.400	405.000
- HPC	-	239	-	4.800.400	-	-	-	(3.892.200)	-	908.200
- HTI	7	7	108.500	108.500	13.300	-	-	(73.500)	121.800	35.000
- ITA	-	221.998	-	1.553.986.000	-	-	-	(88.799.200)	-	1.465.186.800
- ITC	15	15	480.000	480.000	-	-	(367.500)	(364.500)	112.500	115.500
- KDC	-	7	-	310.000	-	47.000	-	-	-	357.000
- KLF	100.000	-	1.312.965.000	-	-	-	(202.965.000)	-	1.110.000.000	-
- MBB	53.760	52.188	603.774.400	694.100.400	100.481.600	-	-	(31.312.800)	704.256.000	662.787.600
- MCO	-	14	-	267.400	-	-	-	(219.800)	-	47.600
- NBP	-	62	-	1.537.600	-	-	-	(502.200)	-	1.035.400
- NHC	-	33	-	1.333.200	-	-	-	(643.500)	-	689.700
- NSC	-	9	-	312.800	-	380.200	-	-	-	693.000
- OGC	60.000	20.000	554.400.000	240.000.000	-	-	(128.400.000)	(24.000.000)	426.000.000	216.000.000
- PET	100.000	-	2.378.000.000	-	-	-	(308.000.000)	-	2.070.000.000	-
- PGC	30.000	-	458.000.000	-	-	-	(50.000.000)	-	408.000.000	-
- PHH	802.800	-	6.021.000.000	-	-	-	(1.043.640.000)	-	4.977.360.000	-
- PIT	6	5	68.000	68.000	-	-	(21.200)	(34.000)	46.800	34.000
- PLC	14.000	143	451.717.843	1.510.000	-	1.106.900	(31.717.843)	-	420.000.000	2.616.900
- PVB	63.700	-	2.507.650.000	-	295.150.000	-	-	-	2.802.800.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- PVC	20.000	10	602.160.000	259.000	-	-	(100.160.000)	(114.000)	502.000.000	145.000
- PVI	-	51	-	1.085.988	-	-	-	(162.888)	-	923.100
- PVL	170.000	-	646.000.000	-	-	-	(68.000.000)	-	578.000.000	-
- PVS	100.000	90	3.449.090.000	1.489.341	-	337.659	(759.090.000)	-	2.690.000.000	1.827.000
- PVX	50.000	-	310.000.000	-	-	-	(70.000.000)	-	240.000.000	-
- PXS	100.000	-	2.462.000.000	-	-	-	(182.000.000)	-	2.280.000.000	-
- QNC	-	72	-	2.338.300	-	-	-	(1.942.300)	-	396.000
- REE	4	4	121.189	66.401	-	51.999	(8.389)	-	112.800	118.400
- SAM	16.799.170	-	213.655.565.098	-	4.733.644.902	-	-	-	218.389.210.000	-
- SDD	-	18	-	192.590	-	-	-	(125.990)	-	66.600
- SFC	2	2	93.000	93.000	-	-	(39.000)	(45.000)	54.000	48.000
- SHB	-	230.000	-	1.725.000.000	-	-	-	(138.000.000)	-	1.587.000.000
- SHS	100.000	120	1.185.000.000	1.381.000	-	-	(125.000.000)	(661.000)	1.060.000.000	720.000
- SJE	-	80	-	2.250.000	-	-	-	(970.000)	-	1.280.000
- SJS	65.560	-	1.709.466.009	-	-	-	(63.910.009)	-	1.645.556.000	-
- STB	-	2	-	41.997	-	-	-	(7.597)	-	34.400
- TCM	2	2	35.800	35.800	28.200	5.400	-	-	64.000	41.200
- TCR	6	6	52.800	52.800	-	-	(14.400)	(29.400)	38.400	23.400
- THI	-	416.752	-	12.463.979.989	-	580.357.611	-	-	-	13.044.337.600
- THT	-	100	-	1.896.100	-	-	-	(836.100)	-	1.060.000
- TNA	3	3	60.300	60.300	17.700	11.700	-	-	78.000	72.000
- TPH	-	72	-	720.000	-	-	-	(244.800)	-	475.200
- TTC	-	20	-	200.000	-	40.000	-	-	-	240.000
- TXM	-	75	-	727.500	-	-	-	(247.500)	-	480.000
- VCI	-	80	-	3.832.000	-	-	-	(2.552.000)	-	1.280.000
- VC2	-	57	-	2.086.200	-	-	-	(1.510.500)	-	575.700
- VC9	-	75	-	1.950.000	-	-	-	(1.432.500)	-	517.500
- VCG	-	150.492	-	1.718.047.837	-	-	-	(198.078.637)	-	1.519.969.200
- VCS	-	76	-	2.605.023	-	-	-	(1.579.023)	-	1.026.000
- VGS	-	19	-	473.100	-	-	-	(364.800)	-	108.300
- VIC	-	14	-	495.000	-	485.000	-	-	-	980.000
- VIS	-	194.850	-	2.455.110.000	-	-	-	(253.305.000)	-	2.201.805.000
- VTO	-	5	-	59.500	-	-	-	(28.000)	-	31.500
Chứng khoán Upcom			147.000	1.994.000	-	-	(17.000)	(1.247.000)	130.000	747.000
- HBD	10	60	147.000	882.000	-	-	(17.000)	(210.000)	130.000	672.000
- VII	-	40	-	840.000	-	-	-	(780.000)	-	60.000
- VSP	-	10	-	272.000	-	-	-	(257.000)	-	15.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán khác			513.000	513.000	-	-	-	(453.600)	513.000	59.400
- CIC	33	33	513.000	513.000	-	-	-	(453.600)	513.000	59.400
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>			<b>118.701.520.000</b>	<b>235.450.353.451</b>	-	-	-	-	<b>118.701.520.000</b>	<b>235.450.353.451</b>
- Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng (*)	-	-	118.701.520.000	98.550.353.451	-	-	-	-	118.701.520.000	98.550.353.451
- Ủy thác đầu tư tài chính	-	-	-	52.000.000.000	-	-	-	-	-	52.000.000.000
- Ủy thác đầu tư tài chính	-	-	-	60.000.000.000	-	-	-	-	-	60.000.000.000
- Hợp đồng Repo chứng khoán	-	-	-	24.900.000.000	-	-	-	-	-	24.900.000.000
			<b>374.003.432.965</b>	<b>260.933.584.892</b>	<b>5.129.335.702</b>	<b>583.030.869</b>	<b>(6.282.384.167)</b>	<b>(979.484.910)</b>	<b>372.850.384.500</b>	<b>260.537.130.851</b>

(\*) Các hợp đồng tiền gửi tại với Ngân hàng TMCP Bắc Á kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 6,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2014			Số phát sinh trong năm		31/12/2014			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>277.159.625</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>6.752.010.473</b>	<b>6.979.170.098</b>	<b>50.000.000</b>	-	<b>50.000.000</b>	(35.000.000)
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	50.000.000	-	50.000.000	-	-	50.000.000	-	50.000.000	(35.000.000)
- Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall	29.045.195	-	-	1.164.717.298	1.193.762.493	-	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại XNK HFC Việt Nam	62.250.000	-	-	3.588.952.850	3.651.202.850	-	-	-	-
- Tổng Cty Xây dựng Công trình Giao Thông 6 - TNHH MTV	25.000.000	-	-	370.000.000	395.000.000	-	-	-	-
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	110.864.430	-	-	1.628.340.325	1.739.204.755	-	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>5.592.779.065</b>	-	-	<b>75.879.850</b>	<b>5.592.779.065</b>	<b>75.879.850</b>	-	-	-
- Công ty TNHH Moda Việt Nam	-	-	-	75.879.850	-	75.879.850	-	-	-
- Trung tâm Dịch vụ khách hàng - Viễn thông Hà Nội	1.000.000	-	-	-	1.000.000	-	-	-	-
- Ngô Thị Kim Dung	5.583.000.000	-	-	-	5.583.000.000	-	-	-	-
- Công ty CP thương mại và giải pháp phần mềm RPS	8.779.065	-	-	-	8.779.065	-	-	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>15.621.786.965</b>	-	-	<b>544.796.198.489</b>	<b>555.474.835.037</b>	<b>4.943.150.417</b>	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch CK	15.621.786.965	-	-	544.796.198.489	555.474.835.037	4.943.150.417	-	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>253.030.783</b>	-	-	<b>53.312.937.155</b>	<b>53.297.708.934</b>	<b>268.259.004</b>	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	248.417.033	-	-	14.351.029.134	14.335.770.059	263.676.108	-	-	-
- Phải thu khác	4.613.750	-	-	38.961.908.021	38.961.938.875	4.582.896	-	-	-
	<b>21.744.756.438</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>604.937.025.967</b>	<b>621.344.493.134</b>	<b>5.337.289.271</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>(35.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	29.030.931	369.944.941
Tăng trong năm	531.977.273	720.081.774
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(555.818.812)	(1.060.995.784)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>5.189.392</b>	<b>29.030.931</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.189.392	13.587.498
Chi phí đồng phục chờ phân bổ	-	2.350.008
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	13.093.425
	<b>5.189.392</b>	<b>29.030.931</b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	<b>11.830.431.760</b>	<b>11.830.431.760</b>

**9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	235.200.000	46.200.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	800.000.000
	<b>235.200.000</b>	<b>846.200.000</b>

11110  
 NG T  
 HIỆM H  
 KIỂM T  
 ASI  
 HIỆM - T  
 C  
 C  
 C  
 U  
 N  
 T  
 C  
 /  
 D

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống  
Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2014	3.658.371.491	3.640.069.952	2.686.881.635	9.985.323.078
Mua sắm	-	1.066.852.000	-	1.066.852.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.658.371.491</b>	<b>4.706.921.952</b>	<b>2.686.881.635</b>	<b>11.052.175.078</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2014	3.414.431.511	1.927.895.429	2.686.881.635	8.029.208.575
Trích khấu hao	110.071.296	646.576.571	-	756.647.867
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.524.502.807</b>	<b>2.574.472.000</b>	<b>2.686.881.635</b>	<b>8.785.856.442</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2014	243.939.980	1.712.174.523	-	1.956.114.503
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>133.868.684</b>	<b>2.132.449.952</b>	<b>-</b>	<b>2.266.318.636</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.467.601.135 VND



11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2014	2.265.299.300	2.265.299.300
Mua sắm	85.000.000	85.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.350.299.300</b>	<b>2.350.299.300</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2014	2.210.501.542	2.210.501.542
Trích khấu hao	71.603.314	71.603.314
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2.282.104.856</b>	<b>2.282.104.856</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2014	54.797.758	54.797.758
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>68.194.444</b>	<b>68.194.444</b>



Y  
JÁN  
L  
HÀ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>			<b>59.201.324.257</b>	<b>64.983.658.494</b>	-	-	-	<b>(3.517.976.609)</b>	<b>59.201.324.257</b>	<b>61.465.681.885</b>
Chứng khoán chưa niêm yết			59.201.324.257	64.983.658.494	-	-	-	(3.517.976.609)	59.201.324.257	61.465.681.885
- Công ty CP khoáng sản Thiên Đức	-	390.000	-	5.077.358.494	-	-	-	(42.398.102)	-	5.034.960.392
- Công ty CP Máy Đức Giang	926.980	926.980	25.569.800.000	25.569.800.000	-	-	-	-	25.569.800.000	25.569.800.000
- Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm vạc	117.585	120.585	27.631.524.257	28.336.500.000	-	-	-	(3.331.238.138)	27.631.524.257	25.005.261.862
- Công ty Cổ phần Điện máy	200.000	200.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	(144.340.369)	6.000.000.000	5.855.659.631
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			<b>14.950.000.000</b>	<b>39.950.000.000</b>	-	-	<b>(29.684.562)</b>	<b>(4.525.628)</b>	<b>14.920.315.438</b>	<b>39.945.474.372</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	1.495.000	1.495.000	14.950.000.000	14.950.000.000	-	-	(29.684.562)	(4.525.628)	14.920.315.438	14.945.474.372
- Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đai La và 152 Ngọc Lâm Hà Nội	-	-	-	25.000.000.000	-	-	-	-	-	25.000.000.000
			<b>74.151.324.257</b>	<b>104.933.658.494</b>	-	-	<b>(29.684.562)</b>	<b>(3.522.502.237)</b>	<b>74.121.639.695</b>	<b>101.411.156.257</b>



12/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01/01	15.616.536.729	17.126.901.639
Tăng trong năm	7.493.636	12.550.000
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.606.150.017)	(1.522.914.910)
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>14.017.880.348</b>	<b>15.616.536.729</b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	13.321.925.128	13.783.957.216
Chi phí sửa chữa tầng 9 tòa nhà ICON 4	682.620.528	1.813.004.865
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.334.693	19.574.648
	<b>14.017.880.348</b>	<b>15.616.536.729</b>

(\*) Chi phí thuê 720 m2 tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến 15/10/2043.

Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 15/10/2043 thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.863.956.667
Tiền nộp bổ sung	61.414.301	61.414.301
Tiền lãi phân bổ trong năm	582.074.524	445.941.034
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.507.445.492</b>	<b>2.371.312.002</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	327.522.758	379.894.358
	<b>327.522.758</b>	<b>379.894.358</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON4	61.854.545	288.012.442
Chi phí phải trả khác	52.369.863	91.551.187
	<u><b>114.224.408</b></u>	<u><b>379.563.629</b></u>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	34.707.240	-
Bảo hiểm y tế	5.855.580	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.602.480	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.904.103.414	2.669.585.611
Cổ tức phải trả cổ đông	1.098.600.796	1.098.600.796
Phải trả, phải nộp khác	-	114.204.340
	<u><b>8.045.869.510</b></u>	<u><b>3.882.390.747</b></u>

**18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	386.674.063	93.399.194
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	33.000.000
	<u><b>386.674.063</b></u>	<u><b>126.399.194</b></u>

C  
H  
T  
C  
M-TS.G.F  
C  
F  
Đ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	503.000.000.000	8.353.605.115	(1.195.539.221)	510.158.065.894
Lãi trong năm	-	-	778.165.024	778.165.024
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>8.353.605.115</b>	<b>(417.374.197)</b>	<b>510.936.230.918</b>
Tại ngày 01/01/2014	503.000.000.000	8.353.605.115	(417.374.197)	510.936.230.918
Lãi trong năm	-	-	9.105.211.455	9.105.211.455
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>8.353.605.115</b>	<b>8.687.837.258</b>	<b>520.041.442.373</b>
	-	-	-	-

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Đình Tú	113.000.000.000	22,47%	112.973.800.000	22,46%
Vốn góp của các cổ đông khác	390.000.000.000	77,53%	390.026.200.000	77,54%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**20 . DOANH THU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>61.664.524.547</b>	<b>20.764.871.592</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.505.097.874	3.722.680.617
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.741.775.789	2.218.886.140
- Doanh thu hoạt động tư vấn	4.436.050.638	1.220.454.545
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.960.500	3.231.000
- Doanh thu khác	15.979.639.746	13.599.619.290
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>61.664.524.547</b>	<b>20.764.871.592</b>

**21 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.703.900.537	1.924.124.207
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	34.222.898.549	19.167.856.019
Chi phí hoạt động tư vấn	678.744.414	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	122.720.441	300.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.810.081.582	(12.346.208.940)
Chi phí khác	16.965.560	178.320.000
Chi phí trực tiếp chung	2.077.149.739	2.702.561.382
	<b>43.632.460.822</b>	<b>11.626.952.668</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.448.968.303	2.162.718.597
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.110.288.960	1.406.750.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	696.595.631	876.529.803
Thuế, phí và lệ phí	125.410.595	225.614.589
Chi phí dự phòng	10.000.000	10.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.036.281.977	3.050.407.194
Chi phí khác bằng tiền	844.387.021	628.045.815
	<b>9.271.932.487</b>	<b>8.360.066.658</b>

**23 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.105.211.455	778.165.024
Các khoản điều chỉnh tăng	240.448.167	-
- Chi phí khấu hao xe ô tô Mercedes Ben S500	240.448.167	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.061.488.335)	(6.707.625.192)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4.132.028.167)	(2.218.886.140)
- Chuyển lỗ các năm trước	(5.929.460.168)	(4.488.739.052)
Tổng thu nhập tính thuế	(715.828.713)	(5.929.460.168)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(11.830.431.760)</b>	<b>(11.830.431.760)</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.105.211.455	778.165.024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.105.211.455	778.165.024
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>181</b>	<b>15</b>

**25 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.481.122.933	-	50.019.910.999	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	5.261.409.421	(35.000.000)	16.151.977.373	(25.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	255.301.912.965	(6.282.384.167)	162.383.231.441	(979.484.910)
Cho vay ngắn hạn	118.701.520.000	-	98.550.353.451	-
Đầu tư dài hạn	74.151.324.257	(29.684.562)	104.933.658.494	(3.522.502.237)
	<b>508.897.289.576</b>	<b>(6.347.068.729)</b>	<b>432.039.131.758</b>	<b>(4.526.987.147)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	8.689.391.902	4.552.669.506
Chi phí phải trả	114.224.408	379.563.629
	<b>8.803.616.310</b>	<b>4.932.233.135</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

111  
 ON  
 HIẾ  
 KI  
 AA  
 KIẾ  
 86  
 NI  
 P  
 IG  
 JV  
 A  
 G  
 CH  
 P  
 HỒNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.481.122.933	-	-	55.481.122.933
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	5.226.409.421	-	-	5.226.409.421
Đầu tư ngắn hạn	249.019.528.798	-	-	249.019.528.798
Cho vay ngắn hạn	118.701.520.000	-	-	118.701.520.000
Đầu tư dài hạn	-	-	74.121.639.695	74.121.639.695
	<b>428.428.581.152</b>	<b>-</b>	<b>74.121.639.695</b>	<b>502.550.220.847</b>

05  
TY  
HỮU  
M TI  
SC  
1-TP

H  
K  
V  
C  
H



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Tại ngày 01/01/2014**

Tiền và các khoản tương đương tiền	50.019.910.999	-	-	50.019.910.999
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	16.126.977.373	-	-	16.126.977.373
Đầu tư ngắn hạn	161.403.746.531	-	-	161.403.746.531
Cho vay ngắn hạn	98.550.353.451	-	-	98.550.353.451
Đầu tư dài hạn	-	-	101.411.156.257	101.411.156.257
	<b>326.100.988.354</b>	<b>-</b>	<b>101.411.156.257</b>	<b>427.512.144.611</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán,	8.599.391.902	90.000.000	-	8.689.391.902
Chi phí phải trả	114.224.408	-	-	114.224.408
	<b>8.713.616.310</b>	<b>90.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.803.616.310</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán,	4.552.669.506	-	-	4.552.669.506
Chi phí phải trả	379.563.629	-	-	379.563.629
	<b>4.932.233.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.932.233.135</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

AN  
AN  
HA NOI

AN  
AN  
HA NOI  
AN  
AN  
HA NOI

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**26 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	6.904.103.414	2.669.585.611
	<u><b>6.904.103.414</b></u>	<u><b>2.669.585.611</b></u>

**27 . THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 05/01/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 03/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS), địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội vì đã có hành vi vi phạm hành chính: Cho khách hàng mua chứng khoán khi không có đủ tiền theo quy định. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2014 Công ty đã khắc phục và không còn phát sinh vi phạm trên.

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



ÁN  
L  
H  
IG  
PH  
KI  
WA  
T

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Môi giới, Lưu ký VND	Đầu tư chứng khoán, góp vốn VND	Tư vấn VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10.507.058.374	30.741.775.789	4.436.050.638	15.979.639.746	61.664.524.547
Chi phí bộ phận trực tiếp	4.826.620.978	36.032.980.131	678.744.414	2.094.115.299	43.632.460.822
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	9.271.932.487
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.680.437.396</b>	<b>(5.291.204.342)</b>	<b>3.757.306.224</b>	<b>13.885.524.447</b>	<b>8.760.131.238</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	14.395.579.173	441.842.688.493	690.265.378	39.570.946.826	496.499.479.870
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	37.957.524.902
<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.395.579.173</b>	<b>441.842.688.493</b>	<b>690.265.378</b>	<b>39.570.946.826</b>	<b>534.457.004.772</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	13.121.342.060	-	505.000.000	-	13.626.342.060
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	789.220.339
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.121.342.060</b>	<b>-</b>	<b>505.000.000</b>	<b>-</b>	<b>14.415.562.399</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	917.345.860	641.285.999

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lại Hà Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Kế toán trưởng

  
Phạm Diễm Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

